

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	6 - 9
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
4.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thủy Vân, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu (“Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 1 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 1	3500833679	01/04/2010
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2	3500833679	25/04/2011
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3	3500833679	03/04/2012

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 52.400.000.000 đồng và tăng lên thành 82.400.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 03/04/2012, với cơ cấu như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ(%)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc Tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	6.868.257	68.682.570.000	83,35
Các cổ đông khác	1.371.743	13.717.430.000	16,65
Cộng	8.240.000	82.400.000.000	100,00

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01A, Thủy Vân, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Điện thoại : 064 3585326

Fax : 064 3585327

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vui chơi giải trí, hướng dẫn tham quan, phiên dịch, cung ứng phương tiện đi lại cho khách du lịch; Kinh doanh thuốc lá điều sản xuất trong nước, vận tải hành khách đường bộ, dịch vụ xông hơi và xoa bóp (massage), phòng hát Karaoke, dịch vụ bãi biển và dịch vụ phụ trợ xung quanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ điều lướt ván, giữ xe, bán hải sản tươi sống, hải sản đã qua chế biến, nước giải khát, mua bán rượu, bia, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng hóa phục vụ du lịch, khách sạn; Dịch vụ về xuất nhập cảnh, mua vé máy bay.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 27).

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thủy Vân, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

	Chức vụ	Bổ nhiệm
Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Tôn Hoàng	Chủ tịch hội đồng quản trị	Tháng 01 năm 2008
Bà Ngô Thị Bích Hường	Ủy viên hội đồng quản trị	Tháng 01 năm 2008
Ông Nguyễn Minh Khang	Ủy viên hội đồng quản trị	Tháng 01 năm 2008
Ông Nguyễn Tôn Nhơn	Ủy viên hội đồng quản trị	Tháng 03 năm 2012
Ông Bùi Văn Vượng	Ủy viên hội đồng quản trị	Tháng 01 năm 2011
Ban kiểm soát		
Ông Trần Hữu Duyên	Trưởng ban kiểm soát	Tháng 07 năm 2008
Ông Nguyễn Mai Hoàng	Thành viên	Tháng 06 năm 2009
Bà Đỗ Tú Oanh	Thành viên	Tháng 01 năm 2008
Ban Giám đốc		
Ông Nguyễn Tôn Nhơn	Phó Giám Đốc	Tháng 01 năm 2012
Bà Ngô Thị Bích Hường	Kế toán trưởng	Tháng 01 năm 2008

Đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC (FAC) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thùy Vân, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Nguyễn Tôn Hoàng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 03 tháng 4 năm 2013

Số : ____/2013/BCTC-FACKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 03 tháng 4 năm 2013, từ trang 6 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận về khoản tiền đầu tư hợp tác kinh doanh xăng dầu với Công ty Cổ phần Trung Nam (thuyết minh số IV.11), đồng thời chúng tôi không tiếp cận được các thông tin tài chính cũng như kết quả hợp tác kinh doanh xăng dầu với Công ty Cổ phần Trung Nam, nên chúng tôi không có cơ sở để đánh giá liệu có cần phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư này hay không.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế nêu trên đến Báo cáo tài chính, phần còn lại của Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC

Hoàng Lam - Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0701/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 4 năm 2013

Lê Minh Lưu - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0702/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.526.229.497	20.246.049.389
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV. 1	5.914.705.693	3.239.989.702
1. Tiền	111		2.914.705.693	3.239.989.702
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	9.960.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	IV. 2	-	9.960.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.329.431.978	6.030.051.149
1. Phải thu khách hàng	131	IV. 3	1.248.762.090	680.862.452
2. Trả trước cho người bán	132	IV. 4	1.692.936.050	5.262.546.574
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	IV. 5	1.387.733.838	86.642.123
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		276.623.165	364.464.426
1. Hàng tồn kho	141	IV. 6	276.623.165	364.464.426
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.468.661	651.544.112
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	645.044.112
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	IV. 7	1.968.661	3.000.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	IV. 8	3.500.000	3.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thùy Vân, Phường 8

Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		90.071.812.410	77.235.889.393
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		77.496.541.175	72.864.967.232
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV. 9	77.050.984.259	72.864.967.232
<i>Nguyên giá</i>	222		91.728.596.968	83.306.640.083
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(14.677.612.709)	(10.441.672.851)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	IV. 10	445.556.916	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		9.960.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	IV. 11	9.960.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.615.271.235	4.370.922.161
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	IV. 12	2.615.271.235	4.370.922.161
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		100.598.041.907	97.481.938.782

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thùy Vân, Phường 8

Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		9.638.341.043	19.845.972.715
I. Nợ ngắn hạn	310		9.278.341.043	5.485.972.715
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	IV. 13	1.446.465.502	1.264.955.985
3. Người mua trả tiền trước	313	IV. 14	137.684.387	194.222.093
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	IV. 15	1.182.892.802	493.043.761
5. Phải trả người lao động	315		2.207.395.627	1.445.172.177
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV. 16	4.257.687.455	2.069.544.495
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	IV. 17	46.215.270	19.034.204
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		360.000.000	14.360.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	IV. 18	360.000.000	14.360.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		90.959.700.864	77.635.966.067
I. Vốn chủ sở hữu	410		90.959.700.864	77.635.966.067
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	IV. 19	82.400.000.000	74.821.790.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	IV. 19	8.559.700.864	2.814.176.067
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		100.598.041.907	97.481.938.782

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 03 tháng 4 năm 2013

Ngô Thị Bích Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Tôn Nhơn
Phó Giám đốc

Nguyễn Tôn Hoàng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V. 1	49.747.505.127	38.529.893.232
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V. 1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V. 1	49.747.505.127	38.529.893.232
4. Giá vốn hàng bán	11	V. 2	33.963.991.761	28.031.940.029
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.783.513.366	10.497.953.203
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V. 3	118.265.369	205.347.000
7. Chi phí tài chính	22		-	3.360.884.051
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	3.360.884.051
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V. 4	4.455.089.383	3.514.975.452
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.446.689.352	3.827.440.700
11. Thu nhập khác	31	V. 5	20.226.619	20.748.196
12. Chi phí khác	32	V. 6	2.925.666	49.315.605
13. Lợi nhuận khác	40		17.300.953	(28.567.409)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.463.990.305	3.798.873.291
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V. 7	2.905.041.441	984.697.224
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.558.948.864	2.814.176.067
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V. 8	1.043	530

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 03 tháng 4 năm 2013

Ngô Thị Bích Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Tôn Nhơn
Phó Giám đốc

Nguyễn Tôn Hoàng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Mẫu B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.463.990.305	3.798.873.291
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	IV. 5,6	4.255.534.788	3.359.234.658
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(118.265.369)	(205.347.000)
- Chi phí lãi vay	06		-	3.360.884.051
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.601.259.724	10.313.645.000
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.346.694.622	4.079.621.194
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		87.841.261	(209.901.451)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(16.880.398.948)	15.881.999.809
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.755.650.926	(3.737.965.000)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	(3.360.884.051)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	IV. 15	(2.435.478.152)	(1.232.855.329)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(174.915.001)	(168.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		300.654.432	21.565.260.172
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.938.331.142)	(24.430.706.119)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	40.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		118.265.369	205.347.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.820.065.773)	(24.185.359.119)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn vốn chủ sở hữu	31		7.578.210.000	22.421.790.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	5.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(24.512.922.264)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(384.082.668)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.194.127.332	2.908.867.736
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.674.715.991	288.768.789
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	IV. 1	3.239.989.702	2.951.220.913
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	IV. 1	5.914.705.693	3.239.989.702

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 03 tháng 4 năm 2013

Ngô Thị Bích Hường
Kế toán trưởng

Nguyễn Tôn Nhơn
Phó Giám đốc

Nguyễn Tôn Hoàng
Chủ tịch Hội đồng quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Giấy phép hoạt động

Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu ("Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 1 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 1	3500833679	01/04/2010
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2	3500833679	25/04/2011
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3	3500833679	03/04/2012

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 52.420.000.000 đồng và tăng lên thành 82.400.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 03/04/2012, với cơ cấu như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ(%)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	6.868.257	68.682.570.000	83,35
Các cổ đông khác	1.371.743	13.717.430.000	16,65
Cộng	8.240.000	82.400.000.000	100,00

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 01A Đường Thùy Vân, Phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vui chơi giải trí, hướng dẫn tham quan, phiên dịch, cung ứng phương tiện đi lại cho khách du lịch; Kinh doanh thuốc lá điều sản xuất trong nước, vận tải hành khách đường bộ, dịch vụ xông hơi và xoa bóp (massage), phòng hát Karaoke, dịch vụ bãi biển và dịch vụ phụ trợ xung quanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ điều lướt ván, giữ xe, bán hải sản tươi sống, hải sản đã qua chế biến, nước giải khát, mua bán rượu, bia, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng hóa phục vụ du lịch, khách sạn; Dịch vụ về xuất nhập cảnh, mua vé máy bay.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là: 135 người

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty mẹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500101932 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 662 Trương Công Định, phường Nguyễn An Ninh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tôn Hoàng	Chủ tịch	Bổ nhiệm tháng 01 năm 2008
Bà Ngô Thị Bích Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm tháng 01 năm 2008
Ông Nguyễn Minh Khang	Ủy viên	Bổ nhiệm tháng 01 năm 2008
Ông Nguyễn Tôn Nhơn	Ủy viên	Bổ nhiệm tháng 03 năm 2012
Ông Bùi Văn Vượng	Ủy viên	Bổ nhiệm tháng 01 năm 2011

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Chế độ Kế toán và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là chứng từ ghi sổ.

3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	05-45 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Máy móc và thiết bị	07-12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05-10 năm

5. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

6. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư các dự án, xây dựng các hạng mục công trình mà chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính, như chi phí giao thầu xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí khác.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần trong 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ dẫn đến nhiều khả năng là cần chuyển giao các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính giữ sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các loại tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các loại tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các loại nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm nợ phải trả người bán, nợ phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VI.1.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012	01/01/2012
Tiền mặt tại quỹ	898.919.239	206.909.264
Tiền gửi ngân hàng	2.015.786.454	3.033.080.438
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tính đến ngày đáo hạn dưới 3 tháng)	3.000.000.000	-
Cộng	5.914.705.693	3.239.989.702

2. Đầu tư ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
Hợp tác kinh doanh xăng dầu với Công ty Cổ phần Trung Nam (năm 2012 chuyển sang khoản Đầu tư dài hạn khác)	-	9.960.000.000
Cộng	-	9.960.000.000

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2012	01/01/2012
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	367.029.719	-
Công ty TNHH Chân Thanh	56.515.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Chu du hai bốn	188.389.160	80.199.217
Công ty TNHH Strategic Marine	62.487.000	-
Công ty Cổ phần Hoàng Gia	41.697.384	43.468.184
Các khách hàng khác	532.643.827	557.195.051
Cộng	1.248.762.090	680.862.452

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2012	01/01/2012
Trả trước cho các nhà thầu về mua sắm tài sản cố định và đầu tư xây dựng cơ bản	1.352.933.700	5.100.584.074
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Địa ốc Vũng Tàu	552.933.700	4.976.719.574
- Công ty TNHH Môi trường Đông Nam	800.000.000	-
- Công ty TNHH Kiến trúc xây dựng Thiên Phúc	-	29.700.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định xây dựng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	94.164.500
Trả trước cho các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh	340.002.350	161.962.500
- Công ty Bảo hiểm BIDV Vũng Tàu	166.039.850	-
- Nhà máy Nana	100.000.000	-
- Các khách hàng khác	73.962.500	161.962.500
Cộng	1.692.936.050	5.262.546.574

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	176.591.675	86.642.123
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1.200.000.000	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	11.142.163	-
Cộng	1.387.733.838	86.642.123

6. Hàng tồn kho

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	47.200.181	53.404.600
Hàng hóa tồn kho	229.422.984	311.059.826
Cộng	276.623.165	364.464.426

7. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	1.968.661	-
Thuế môn bài nộp thừa	-	3.000.000
Cộng	1.968.661	3.000.000

8. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
Tạm ứng	3.500.000	3.500.000
Cộng	3.500.000	3.500.000

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại 01/01/2012	68.049.250.088	11.203.053.909	569.178.000	1.631.432.350	1.853.725.736	83.306.640.083
Đầu tư hoàn thành	7.939.379.280	-	-	-	-	7.939.379.280
Mua sắm mới	111.530.000	277.575.470	-	64.239.092	51.578.182	504.922.744
Thanh lý	-	(22.345.139)	-	-	-	(22.345.139)
Tại 31/12/2012	76.100.159.368	11.458.284.240	569.178.000	1.695.671.442	1.905.303.918	91.728.596.968
Trong đó đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Tại 01/01/2012	7.516.709.859	2.056.032.468	411.073.000	252.135.528	205.721.996	10.441.672.851
Trích khấu hao	2.222.171.596	1.567.314.919	56.917.800	185.464.225	223.666.248	4.255.534.788
Giảm khác	-	(19.594.930)	-	-	-	(19.594.930)
Tại 31/12/2012	9.738.881.455	3.603.752.457	467.990.800	437.599.753	429.388.244	14.677.612.709
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2012	60.532.540.229	9.147.021.441	158.105.000	1.379.296.822	1.648.003.740	72.864.967.232
Tại 31/12/2012	66.361.277.913	7.854.531.783	101.187.200	1.258.071.689	1.475.915.674	77.050.984.259

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2012	Phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng nguyên giá Tài sản cố định	31/12/2012
Công trình khu khách sạn mới	-	7.939.379.280	7.939.379.280	-
Công trình văn phòng làm việc	-	409.246.916	-	409.246.916
Nâng cấp nhà rông	-	36.310.000	-	36.310.000
Cộng	-	8.384.936.196	7.939.379.280	445.556.916

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thủy Vân, Phường 8

Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2012	01/01/2012
Hợp tác kinh doanh xăng dầu với Công ty Cổ phần Trung Nam	9.960.000.000	-
Cộng	9.960.000.000	-

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2012	Năm 2011
Số dư tại 01/01	4.370.922.161	632.957.161
Phát sinh trong năm	2.295.799.505	6.254.499.196
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(4.051.450.431)	(2.516.534.196)
Số dư tại 31/12	2.615.271.235	4.370.922.161

13. Phải trả cho người bán

	31/12/2012	01/01/2012
Phải cho các nhà thầu, nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định của Công ty	223.013.201	424.140.416
- Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định xây dựng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	191.552.611	-
- Công ty TNHH Điện tử viễn thông Minh Tiến	19.766.350	172.808.900
- Công ty TNHH Thang máy và thiết bị Thăng Long	-	99.300.000
- Các nhà cung cấp khác	11.694.240	152.031.516
Phải cho các nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty	1.223.452.301	840.815.569
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	179.200.000	176.280.000
- Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Quang	179.898.400	-
- Ông Đinh Duy Năng	172.877.250	164.244.500
- Các nhà cung cấp khác	691.476.651	500.291.069
Cộng	1.446.465.502	1.264.955.985

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2012	01/01/2012
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Đội Ngũ Việt	30.664.240	20.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thuận Việt	20.000.000	-
Các khách hàng khác	87.020.147	174.222.093
Cộng	137.684.387	194.222.093

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	01/01/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2012
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.496.576.471	2.264.245.787	232.330.684
Thuế thu nhập doanh nghiệp	480.998.829	2.905.041.441	2.435.478.152	950.562.118
Thuế thu nhập cá nhân (*)	12.044.932	105.746.225	119.759.818	(1.968.661)
Thuế môn bài (*)	(3.000.000)	3.000.000	-	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	72.196.675	72.196.675	-
Tiền thuê đất	-	399.234.480	399.234.480	-
Cộng	490.043.761	5.981.795.292	5.290.914.912	1.180.924.141

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thủy Vân, Phường 8

Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Trong đó:

Số nộp thừa (thuyết minh IV.7)	3.000.000	1.968.661
Số còn phải nộp	493.043.761	1.182.892.802

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh III.11 và thuyết minh V.7

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo số tạm tính của Công ty như các năm trước.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
Bảo hiểm xã hội	-	19.102.372
Nhận ký quỹ ngắn hạn	5.000.000	25.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	3.906.018.175	1.261.686.310
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	346.669.280	763.755.813
Cộng	4.257.687.455	2.069.544.495

17. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Năm 2012	Năm 2011
Số dư tại 01/01	19.034.204	187.434.204
Trích từ lợi nhuận sau thuế	202.096.067	-
Chi khen thưởng, phúc lợi	(174.915.001)	(168.400.000)
Số dư tại 31/12	46.215.270	19.034.204

18. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	14.000.000.000
Tiền nhận ký quỹ, ký cược của bộ phận Karaoke	200.000.000	200.000.000
Tiền nhận ký quỹ, ký cược của bộ phận Massage	160.000.000	160.000.000
Cộng	360.000.000	14.360.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thủy Vân, Phường 8

Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại 01/01/2011	52.400.000.000	-	52.400.000.000
Chủ sở hữu góp vốn	22.421.790.000	-	22.421.790.000
Lợi nhuận sau thuế năm 2011	-	2.814.176.067	2.814.176.067
Tại 31/12/2011	74.821.790.000	2.814.176.067	77.635.966.067
Tại 01/01/2012	74.821.790.000	2.814.176.067	77.635.966.067
Chủ sở hữu góp vốn	7.578.210.000	-	7.578.210.000
Lợi nhuận sau thuế năm 2012	-	8.558.948.864	8.558.948.864
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	(202.096.067)	(202.096.067)
Chia cổ tức	-	(2.611.328.000)	(2.611.328.000)
Tại 31/12/2011	82.400.000.000	8.559.700.864	90.959.700.864

Cổ phiếu phổ thông

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.240.000	5.240.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.240.000	5.240.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.240.000</i>	<i>5.240.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.240.000	5.240.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.240.000</i>	<i>5.240.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2012	Năm 2011
Tổng doanh thu	49.747.505.127	38.529.893.232
Các khoản giảm trừ:	-	-
Doanh thu thuần	49.747.505.127	38.529.893.232
Trong đó:	-	-
- Doanh thu bán hàng hóa	1.291.209.586	1.241.972.334
- Doanh thu bán nhà hàng	10.681.743.000	9.292.936.737
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	37.774.552.541	27.994.984.161

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012	Năm 2011
Giá vốn của hàng hóa đã bán	651.853.423	651.419.747
Giá vốn của nhà hàng đã bán	4.852.552.171	4.610.954.552
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	28.459.586.167	22.769.565.730
Cộng	33.963.991.761	28.031.940.029

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
Lãi tiền gửi ngân hàng	118.265.369	205.347.000
Cộng	118.265.369	205.347.000

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí cho nhân viên	1.645.420.224	1.365.153.106
Chi phí dịch vụ mua ngoài	219.493.971	276.602.530
Chi phí khác bằng tiền	2.590.175.188	1.873.219.816
Chi phí dự phòng	-	-
Cộng	4.455.089.383	3.514.975.452

5. Thu nhập khác

	Năm 2012	Năm 2011
Thu thanh lý vật tư, đồ dùng dụng cụ	11.321.551	10.338.182
Các khoản thu nhập khác	8.905.068	10.410.014
Cộng	20.226.619	20.748.196

6. Chi phí khác

	Năm 2012	Năm 2011
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	2.750.209	39.000.000
Các khoản chi phí khác	175.457	10.315.605
Cộng	2.925.666	49.315.605

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.463.990.305	3.798.873.291
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	156.175.457	139.915.605
+ Chi phụ cấp cho thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành	156.000.000	129.600.000
+ Chi phí không được trừ khác	175.457	10.315.605
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	11.620.165.762	3.938.788.896
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất phổ thông (25%)	2.905.041.441	984.697.224
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.905.041.441	984.697.224

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012	Năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.558.948.864	2.814.176.067
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.558.948.864	2.814.176.067
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.208.857	5.313.715

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.043	530
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nhân công	12.055.391.819	15.906.056.157
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.381.777.175	7.586.772.698
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.255.534.788	3.351.927.177
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.841.516.092	5.153.784.119
Chi phí khác bằng tiền	2.590.175.188	1.873.219.816
Chi phí dự phòng	-	-
Cộng	33.124.395.062	33.871.759.967

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty mẹ, sở hữu 85,84% vốn tại ngày 31/12/2012
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2012	Năm 2011
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		
Nhận góp vốn điều lệ	7.578.210.000	22.246.730.000
Cung cấp dịch vụ	396.315.359	800.195.100
Thu tiền cung cấp dịch vụ	29.285.640	866.329.100
Mua dịch vụ	203.200.000	176.280.000
Thanh toán tiền dịch vụ	200.280.000	
Hỗ trợ vốn dài hạn	-	15.000.000.000
Hoàn trả vốn hỗ trợ	14.000.000.000	1.000.000.000
Tạm ứng tiền cổ tức	1.200.000.000	-
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Tiền thù lao	282.000.000	129.600.000
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền lương, tiền thưởng	364.704.343	238.416.811

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan / Công nợ	31/12/2012	01/01/2012
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		
Phải thu tiền dịch vụ đã cung cấp (thuyết minh IV.3)	367.029.719	-
Phải thu tiền cổ tức đã tạm ứng (thuyết minh IV.5)	1.200.000.000	-
Phải trả tiền dịch vụ đã nhận (thuyết minh IV.13)	179.200.000	176.280.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thủy Vân, Phường 8

Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức phải trả (thuyết minh IV.16)	3.906.018.175	1.261.686.310
Phải trả tiền hỗ trợ vốn (thuyết minh IV.18)	-	14.000.000.000

2. Nợ tiềm tàng

Ngày 04 tháng 9 năm 2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ra quyết định số 1811/QĐ-UBND: "V/V thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu", lý do thu hồi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có chủ trương khu vực bãi tắm Thủy Vân, Bãi Sau thành phố Vũng Tàu cho thuê hạ tầng, không giao hoặc cho bất cứ đơn vị nào thuê đất. Ngày 09 tháng 10 năm 2012, tại văn phòng Chi cục Quản lý đất đai, Công ty đã nộp lại quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 15/09/2009, hợp đồng thuê đất số 54/HĐTD ngày 30/09/2009, tờ trích đo bản đồ địa chính khu đất. Tờ lê 1/500 số T27-VT-09/BĐ-ĐC.

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, do đã nộp lại hợp đồng thuê đất và Công ty vẫn chưa có được Văn bản chính thức Cơ quan có thẩm quyền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho thuê hạ tầng liên quan đến diện tích 23.280m² đất tại khu vực Bãi Thủy Vân và giá cho thuê hạ tầng. Vì vậy Công ty chỉ tính tiền thuê đất cho năm 2012 là: 399.234.480 đồng theo tờ khai tạm tính đã nộp cho Cục thuế như các công ty khác trên đường Thủy Vân.

Ngoài số tiền sử dụng đất 399.234.480 đồng Công ty đã tạm nộp cho Ngân sách nhà nước (xem thuyết minh số IV.15), Báo cáo tài chính của Công ty chưa có bất kỳ khoản dự phòng nào khác được lập liên quan đến việc Công ty sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính này nhiều hơn số tiền tạm nộp trong tương lai.

3. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản tiền có kỳ hạn và không kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2011				
Phải trả người bán	1.264.955.985	-	-	1.264.955.985
Các khoản phải trả khác	2.069.544.495	14.360.000.000	-	16.429.544.495
	3.334.500.480	14.360.000.000	-	17.694.500.480
Tại ngày 31/12/2012				
Phải trả người bán	1.446.465.502	-	-	1.446.465.502
Các khoản phải trả khác	4.257.687.455	360.000.000	-	4.617.687.455
	5.704.152.957	360.000.000	-	6.064.152.957

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không lớn. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty:

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ (VND)				Giá trị hợp lý (VND)	
	31/12/2012		01/12/2012		31/12/2012	01/12/2012
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tiền gửi ngắn hạn	3.000.000.000	-	-	-	3.000.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.914.705.693	-	3.239.898.702	-	2.914.705.693	3.239.898.702
Phải thu khách hàng	1.248.762.090	-	680.862.452	-	1.248.762.090	680.862.452
Phải thu khác	1.387.733.838	-	86.642.123	-	1.387.733.838	86.642.123
Đầu tư tài chính	9.960.000.000	-	9.960.000.000	-	-	9.960.000.000
Cộng	18.511.201.621		13.967.403.277		8.551.201.621	13.967.403.277

Nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2012	01/12/2012	31/12/2012	01/12/2012
Phải trả người bán	1.446.465.502	1.264.955.985	1.446.465.502	1.264.955.985
Các khoản phải trả khác	4.617.687.455	16.429.544.495	4.617.687.455	16.429.544.495
Cộng	6.064.152.957	17.694.500.480	6.064.152.957	17.694.500.480

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khách hàng được Công ty đánh giá dựa vào khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31/12/2012, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.
- Các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 03 tháng 4 năm 2013

Ngô Thị Bích Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Tôn Nhơn
Phó Giám đốc

Nguyễn Tôn Hoàng
Chủ tịch Hội đồng quản trị